TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2024/DS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2024.
V/v: *" Tranh chấp đòi lại tài sản "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Quang.
2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023. Về *việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST - DS ngày 15/4/2024 và Thông báo số: 45/TB-TA "Về việc thay đổi thời gian xét xử" ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965.

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim Oa, sinh năm 1960 và ông Đỗ Văn V, sinh năm, sinh năm 1964.

Các đương sự cùng địa chỉ: Hải M, xã N, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2023, bản tự khai ngày 20/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Vào ngày 30/9/2014 vợ chồng bà Lê Thị Kim Oa và ông Đỗ Văn V mượn của bà số tiền 80.000.000 đồng, để làm ăn. Vợ chồng bà Oa, ông V viết giấy mượn tiền và hẹn trong thời gian ngắn sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho bà. Tuy nhiêu bà Oa, ông V không thực hiện đúng lời hứa, bà nhiều lần đến hỏi thì bà Oa, ông V hành hung ví đánh bà và tìm cách tránh né không trả nợ.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Kim Oa và ông Đỗ Văn V trả số tiền 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 02/11/2023, bản tự khai ngày 07/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Kim Oa và ông Đỗ Văn V trình bày:

Vào năm 2014 vợ chồng ông, bà có vay tiền của bà Th nhiều lần chốt nợ là 80.000.000 đồng. Trong quá trình vay vợ chồng ông, bà thường xuyên trả lãi đầy đủ cho bà Th. Từ năm 2020 đến năm 2023 vợ chồng ông, bà trả tiền gốc cho bà 30.000.000 đồng. Vợ chồng ông bà còn nợ số tiền 50.000.000 đồng thống nhất trả số tiền trên cho bà Th.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn, bị đơn dều thực hiện đúng các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim Oa và ông Đỗ Văn V trả cho bà Th số tiền 80.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: vợ chồng bà Lê Thị Kim Oa và ông Đỗ Văn V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2] *Xác định về quan hệ pháp luật*: Toà án thụ lý vụ án " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn thừa nhận số tiền 80.000.000 đồng là tiền vay có thoả thuận về lãi suất. Bị đơn vay của nguyên đơn từ ngày 30/9/2019, thời hạn vay 01 năm. Đến hạn bị đơn không tự thực hiện nghĩa vụ. Thời điểm phát sinh tranh chấp tính từ ngày 30/9/2015 đến hết ngày 01/10/2018 (03 năm) quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Tuy Nhiên mãi đến ngày 30/8/2023 bà Th mới khởi kiện. Như vậy thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật đây là "Tranh chấp đòi lại tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn trình bày cho bị đơn vay vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Kim Oa vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 30/9/2014, lãi suất từ 1.5% đến 2%/ tháng. Bị đơn trả

được 04 tháng lãi, tiền gốc vay chưa trả. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền gốc 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Xét trình bày của bị đơn: Thừa nhận có vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 30/9/2014, vợ chồng ông, bà trả lãi đầy đủ. Từ năm 2020 đến 2023 trả cho bà Th số tiền 30.000.000 đồng. Vợ chồng ông, bà còn nợ số tiền 50.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Th.

[2.3] Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên toà đều thừa nhận vào ngày 30/9/2014 bà Nguyễn Thị Th có cho vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Kim Oa vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm. Ông V, bà Oa cho rằng đã trả lãi đến năm 2019, trả bao nhiêu tiền lãi cho bà Th và đã trả tiền gốc từ năm 2020 đến năm 2023 với số tiền là 30.000.000 đồng chỉ còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng, nhưng bà Th không thừa nhận, bà chỉ thừa nhận vợ chồng ông V, bà Oa, có trả số tiền lãi được 04 tháng, chưa trả số tiền gốc 30.000.000 đồng. Từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến giai đoạn xét xử vợ chồng ông V,bà Oa không có tài liệu cung cấp để chứng minh đã trả tiền gốc 30.000.000 đồng, trả tiền lãi bao nhiêu đến thời điểm nào cho bà Th. Tại biên bản hoà giải ngày 22 tháng 3 năm 2023 bà Nguyễn Thị Th đồng ý cho vợ chồng ông V, bà Oa trả 60.000.000 đồng nhưng đến ngày 25 tháng 3 năm 2024 bà Nguyễn Thị Th thay đổi ý kiến, không đồng ý đối với biên bản hoà giải thành và bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ông V,bà Oa trả cho bà 80.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu của vợ chồng ông V, bà Oa không được chấp nhận mà có căn cứ vợ chồng ông V, bà Oa còn nợ của bà Th số tiền 80.000.000 đồng, nên yêu cầu của bà Th được chấp nhận. Do đó, cần buộc vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Kim Oa trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 80.000.000 đồng.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Oa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Th.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 155, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà NguyễnThị Th.

Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Kim Oa có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 80.000.000 đồng.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Kim Oa phải chịu số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm. (80.000.000 đồng x 5%).

Hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng, tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Th theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000266 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Q.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
-TAND tỉnh Q;
-VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Nguyễn Tấn Bốn **Nguyễn Hồng Sơn** **Võ Ngọc Thông**

Trước khi kết hôn chị và anh Duy có tìm hiểu yêu đương do ông thương hoàn cảnh gia đình của cô Thiện. Ông và cô Thiện đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/8/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính khí cô Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, sự chênh lệch về tuổi tác

quá lớn. Ông và con thường xuyên khuyên giải nhưng bản tính cô Thiện không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ với nhau.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn anh Phan Thị Ngọc Thiện.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006. Ông yêu cầu được quyền nuôi con yêu cầu Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có (không nợ Ngân hàng và cũng không nợ bất kỳ ai).

- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc Thiện đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà Thiện không có văn bản trình bày ý kiến, đến Tòa để làm việc bà từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu. Ông Châu phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho bà Phan Thị Ngọc Thiện được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng

dân sự, nhưng bà Thiện Đều không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Bà Thiện vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Châu và bà Phan Thị Ngọc Thiện có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời tình bày của ông Châu trong quá trình vợ chồng ông, bà chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tuổi tác chênh lệch, tính khí bà Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, tình cảm vợ chồng không còn. Ông xin được ly hôn bà Thiện.

Đối với bà Phan Thị Thiện trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập bà đến làm việc thì bà không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án mà có văn bản không đúng với nội dung mà Tòa không yêu cầu, không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né. Bà Thiện cũng đã nhận nhiều văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến, Hôi đồng xét xử cần phê phán thái độ thiếu ý thức của bà Thiện.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng ông Châu và bà Thiện không làm được. Cụ thể vào năm 2012 ông Châu có khởi kiện ly hôn, Tòa đã thụ lý nhưng sau đó ông Châu rút đơn khởi kiện và về chung sống lại với bà Thiện. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng ông bà tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, tuy ông bà ở chung một nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau, sống ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng đã rạng nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho ông Châu bà Thiện có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006, ông Nguyễn Văn Châu xin được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của Cháu Hiền được ở với ông Châu, nên được chấp nhận. Tại phiên tòa ông Châu thay đổi ý kiến không yêu cầu bà Thiện cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Châu, bà Thiện xét

thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng thì ông bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Châu trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Châu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006 cho ông Nguyễn Văn Châu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Châu không yêu cầu anh Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Châu chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Châu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007199 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Các Hội thẩn nhân dân

Tân Văn Dũng

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị An

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND TT La Hà, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**